TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/KDTM – ST
Ngày 24 – 8 – 2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân

2. Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Là thư ký của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST - KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển nhà và đô thị Minh L

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH L HOUSING AND METROPOLIS INVESTMENT DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH L HOUSING AND METROPOLIS CO., LTD

Địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Huy L - Chức danh: Giám đốc - Là người đại diện theo pháp luật

Nơi ĐKHKTT: xã V, huyện T, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn:

Tên công ty viết bằng tiếng việt: Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Xuân P

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XUAN PHAT TRADING IMPORT – EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: XUAN PHAT TREXIM.,JSC

Địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: khu công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L – Chức danh: Giám đốc; phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai – Là người đại diện theo pháp luật.

Bà Đào Thị Quỳnh L; Cư trú tại: phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 15 ngày 16/5/2022). Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Quỳnh L; Cư trú tại: phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Xuân P (sau đây gọi tắt là Công ty Xuân P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển nhà và đô thị Minh L (Công ty Minh L) đã ký kết Hợp đồng mua bán số 228/2020/HDMB/CG10.1. Nội dung của hợp đồng 228: Công ty Xuân P đồng ý bán cho Công ty Minh L 20 tấn găng tay Nitrile dạng không bột theo mô tả đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng với giá 295.000.000đồng/tấn, tổng giá trị Hợp đồng 5.900.000.000đồng; Thời hạn thanh toán: Đợt 1: Ngay sau khi ký Hợp đồng, Công ty Minh L phải đặt cọc cho Công ty Xuân P 50% giá trị Hợp đồng này tương ứng số tiền là: 2.950.000.000đồng trong thời hạn 48 giờ làm việc kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng; Đợt 2: Tại thời điểm Công ty Xuân P giao đủ hàng hóa theo Biên bản giao nhận và Hồ sơ tài liệu giao nhận đã được hai bên ký kết, Công ty Minh L phải thanh toán ngay 100% giá trị của từng lô hàng hóa giao nhận. Thời hạn giao hàng: Toàn bộ số lượng hàng hóa tại Điều 1 Hợp đồng này được Công ty Xuân P giao cho Công ty Minh L trong vòng 12 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và bên B đã hoàn thành việc thanh toán Đặt cọc đợt 1.Địa điểm giao hàng: Tại kho

hàng của Công ty Minh L, địa chỉ: Số 1, hẻm 106, tiểu khu 10, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Theo Hợp đồng đã ký kết, Ngày 13/11/2020, Công ty Minh L đã thanh toán cho Công ty Xuân P số tiền đặt cọc đợt một là: 2.950.000.000đồng, theo đúng quy định tại Điều 2 của Hợp đồng 228, tới tài khoản Đào Thị Quỳnh Lưu, Số tài khoản: 11820381537012; Ngân hàng: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam, Chi nhánh Lào Cai. Như vậy, Công ty Xuân P phải thực hiện giao toàn bộ số lượng 20 tấn hàng hóa cho Công ty Minh L chậm nhất vào ngày 25/11/2020. Tuy nhiên Công ty Xuân P đã vi phạm hợp đồng, không giao hàng cho Công ty Minh L đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng. Công ty Minh L đã gửi các công văn về việc vi phạm Hợp đồng mua bán số 228 cho công ty Xuân P. Do không có hàng giao cho Công ty Minh L, nên từ ngày 29/11/2020 đến ngày 14/12/2020, công ty Xuân P đã hoàn trả cho Công ty Minh L số tiền đặt cọc là 2.450.000.000đ. Như vậy, tính đến ngày 10/04/2022 Công ty Xuân P đã chậm giao hàng 501 ngày, đã vi phạm hợp đồng. Vì vậy, công ty Minh L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc công ty Xuân P phải trả cho công ty Minh L tổng số tiền phạt do vi phạm hợp đồng tính đến ngày 12/4/2022 là: 972.000.000đồng; Bao gồm: Tiền đặt cọc còn thiếu là 500.000.000đồng; Phạt chậm giao hàng 2.950.000.000đồng x 8% = 236.000.000đồng; phạt vi phạm do chấm dứt hiệu lực của hợp đồng là 5.900.000.000đồng x 4% = 236.000.000đồng.

Tại lời khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về việc ký kết Hợp đồng mua bán số 228/2020/HDMB/CG10.1 ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa Công ty Xuân P) và Công ty Minh L và các thoả thuận trong hợp đồng 228 như trình bày của công ty Minh L là đúng.

Ngay sau khi ký hợp đồng và nhận được tiền cọc của Công ty Minh L là 2.950.000.000 đồng, công ty Xuân P đã chuyển số tiền là 6.000.000.000đ sang Trung Quốc để trả số tiền mua hàng găng tay y tế của đầu bán Trung Quốc thông qua bạn hàng buôn bán bên Trung Quốc. Bắt đầu từ ngày 12/11/2020, Công ty Xuân P cũng hối thúc bên đầu Trung Quốc có găng tay để kịp giao hàng vào ngày 27/11/2020 tại Đông Hưng cho Công ty Minh L. Trong thời gian từ ngày 12/11/2020 bên Trung Quốc có găng tay cũng liên tục cập nhập tiến độ bằng video hình ảnh cho Công ty Xuân P. Ngày 26/11/2020, thấy việc giao hàng không thuận lợi do bên bạn hàng Trung Quốc chưa có câu trả lời giờ giao hàng mà ngày 27/11/2020 là ngày phải giao hàng cho Công ty Minh L. Công ty Xuân P đã chủ động bằng tin nhắn điện thoại đàm phán với đại diện Công ty Minh L (anh Hưng) là hợp đồng tạm dừng không thực hiện được và Công ty Xuân P sẽ trả lại số tiền cọc cho bên Công ty Minh L. Anh Hưng đã đồng ý với nội dung này, sau đó anh Hưng đã chỉ định chuyển trả lại tiền đặt cọc vào tài khoản cá nhân số tài khoản như sau: Ngân hàng Teckcombank: 19033338889018;

Tên chủ tài khoản: Nguyễn Huy Long. Ngày 30 tháng 11 năm 2020 Công ty Xuân P đã thực hiện chuyển khoản trả lại số tiền cọc là: 1.300.000.000đồng và đàm phán với anh Hưng sẽ trả lại số tiền cọc còn lại ngay trong mấy ngày làm việc tiếp theo. Khi nào thực hiện được hợp đồng sẽ tính tiếp và anh Hưng đã đồng ý. Tính đến tháng 2/2021 Công ty Xuân P đã trả cho Công ty Minh L tổng số tiền là 2.500.000.000đồng vào số tài khoản Ngân hàng Teckcombank: 19033338889018; Tên chủ tài khoản: Nguyễn Huy Long. Như vậy, tính đến nay Công ty Xuân P còn nợ Công ty Minh L số tiền cọc là: 450.000.000đồng.

Đến nay Công Ty Minh L khởi kiện yêu cầu Công ty Xuân P phải trả cho công ty Minh L tổng số tiền phạt do vi phạm hợp đồng tính đến ngày 12/4/2022 là: 972.000.000đồng; Bao gồm: Tiền đặt cọc còn thiếu là 500.000.000đồng; Phạt chậm giao hàng 2.950.000.000đồng x 8% = 236.000.000đồng; phạt vi phạm do chấm dứt hiệu lực của hợp đồng là 5.900.000.000đồng x 4% = 236.000.000đồng. Công ty Xuân P không đồng ý. Vì Công ty Xuân P đã chuyển tiền cọc cho Công ty Minh L là 2.500.000.000đồng. Như vậy, Công ty Xuân P chỉ còn nợ lại số tiền cọc là 450.000.000đồng. Công ty Xuân P chỉ đồng ý trả cho Công ty Minh L khoản tiền đặt cọc còn thiếu là 450.000.000đồng. Về khoản tiền phạt Công ty Xuân P không chấp nhận vì hợp đồng chưa được thực hiện.

Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 286.000.000đồng, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc Công ty Xuân P phải trả cho Công ty Minh L số tiền đặt cọc còn thiếu là 450.000.000đồng và số tiền do vi phạm hợp đồng 2.950.000.000đồng x 8% = 236.000.000đồng. Tổng cộng là 686.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơ đã rút. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về mối quan hệ pháp luật: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[3] Về tính hợp pháp và nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa:

Công ty Minh L và Công ty Xuân P là doanh nghiệp tư nhân. Cả hai doanh nghiệp đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2020, Công ty Minh L và Công ty Xuân P ký kết Hợp đồng mua bán số: 228/2020/HDMB/CG10.1 (sau đây gọi tắt là hợp đồng 228) với nội dung mua bán hàng hóa là Găng tay Nitrile dạng không bột.

Việc hai bên ký kết hợp đồng găng tay với mục đích kinh doanh thu lợi nhuận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên chủ thể tham gia giao kết là người có thẩm quyền, cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận về các nội dung trong hợp đồng; mô tả sản phẩm; số lượng, giá cả; phương thức thanh toán; thời hạn thanh toán; đồng tiền thanh toán; thời gian giao hàng; địa điểm giao hàng; điều kiện và phương thức giao nhận; trách nhiệm của hai bên; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.....

Vì vậy việc ký kết Hợp đồng 228 là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại và các điều 398, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, mọi thỏa thuận trong các điều khoản của hợp đồng có giá trị pháp lý, bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng nội dung đã giao kết trong hợp đồng.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Công ty Xuân P phải trả cho Công ty Minh L số tiền đặt cọc còn thiếu là 450.000.000đồng và số tiền do vi phạm hợp đồng là 2.950.000.000đồng x 8% = 236.000.000đồng. Tổng cộng là 686.000.000đồng.

[4.1] Về nghĩa vụ thanh toán hoàn trả số tiền đặt cọc:

Tại mục 2.2 Điều 2, quy định về *"Thời hạn thanh toán"* của Hợp đồng 228 giữa Công ty Minh L và Công ty Xuân P có thoả thuận nội dung: *Ngay sau khi ký Hợp đồng này, Bên B phải đặt cọc cho Bên A 50% giá trị Hợp đồng này tương ứng số tiền là: 2.950.000.000đồng trong thời hạn 48 giờ làm việc kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng*. Số tiền 2.950.000.000đồng là khoản tiền thanh toán đợt 1, thể hiện cho tiến độ thanh toán, không phải là đặt cọc. Do vậy, khi một trong các bên vi phạm nghĩa vụ thì được giải quyết theo thoả thuận trong hợp đồng mà không áp dụng các quy định về phạt cọc để xác định nghĩa vụ khi vi phạm.

Tại Điều 3 của Hợp đồng, thoả thuận về giao nhận hàng hoá như sau: *Toàn bộ số lượng hàng hóa được Công ty Xuân P giao cho Công ty Minh L trong vòng 12 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và khi Công ty Minh L đã hoàn thành việc thanh toán đợt 1.* Ngày 13/11/2020, Công ty Minh L đã thanh toán cho Công ty Xuân P số tiền là: 2.950.000.000 đồng vào số tài khoản 11820381537012 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam, mang tên Đào Thị Quỳnh Lưu. Đúng theo thoả thuận đã ký về thời hạn thanh toán quy định tại mục 2.2 Điều 2 của hợp đồng 228.

`Do Công ty Xuân P vi phạm nghĩa vụ không giao được hàng hoá như đã thoả thuận, Công ty Xuân P phải hoàn trả tiền đặt cọc đã nhận cho Công ty Minh L. Theo tài liệu do 2 bên cung cấp, tính đến tháng 2/2021, Công ty Xuân P đã chuyển trả lại được cho Công ty Minh L là 2.500.000.000đồng vào số tài khoản Ngân hàng Teckcombank: 19033338889018; Tên chủ tài khoản: Nguyễn Huy Long. Vì vậy, Công ty Xuân P phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền đặt cọc còn thiếu là 450.000.000đồng cho Công ty Minh L là phù hợp với các thoả thuận tại mục 3.1 Điều 3; mục 4.2 Điều 4; Mục 9.3.2 Điều 9 của hợp đồng 238 mà 2 bên đã ký kết.

[4.2] Về nghĩa vụ thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng:

Công ty Minh L yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty Xuân P phải chịu phạt vi phạm đồng là 2.950.000.000đồng x 8% = 236.000.000đồng.

Khoản 3.1 Điều 3 Hợp đồng 228 quy định: *"Quá 10 (mười) ngày kể từ ngày tới hạn giao hàng, Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Bên A phải hoàn trả tiền đặt cọc đã nhận và chịu phạt vi phạm theo Điều 8 Hợp đồng".*

Khoản 9.3.2 Điều 9 Hợp đồng 228 quy định: "*Trường hợp chấm dứt hiệu lực Hợp đồng do hành vi vi phạm của bên A theo điểm d Điều 9.3.1 Hợp đồng này, Bên A có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc nêu tại Khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng này và bị phạt vi phạm hợp đồng theo Điều 8 Hợp đồng này*".

Khoản 1 Điều 8 Hợp đồng 228 quy định: *"Ngoài trách nhiệm cụ thể đối với từng hành vi vi phạm nêu trong hợp đồng, bên vi phạm còn phải chịu phạt hợp đồng với mức phạt tương đương 4% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm".*Theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại: "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá*

8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này".

Như đã phân tích ở trên, việc ký kết Hợp đồng 228 là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, mọi thỏa thuận trong các điều khoản của hợp đồng có giá trị pháp lý, buộc các bên phải thực hiện theo đúng nội dung đã giao kết trong hợp đồng. Do Công ty Xuân P không giao được hàng cho Công ty Minh L, vi phạm các quy định trong hợp đồng 228, nên Công ty Minh L yêu cầu Công ty Xuân P phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng là 2.950.000.000đồng x 8% = 236.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các thoả thuận đã ký trong hợp đồng 228 và quy định tại Điều 301 Luật Thương mại, cần được chấp nhận.

[5] Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 286.000.000đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút là phù hợp với quy định tại điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Công ty Xuân P phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều Điều 24; Điều 34; Điều 35, Điều 37; Điều 292; Điều 300; Điều 301 Luật Thương mại

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả tiền: Buộc Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Xuân P phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển nhà và đô thị Minh L tổng số tiền là 686.000.000đồng *(Sáu trăm tám mươi sáu triệu đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Xuân P phải chịu 31.440.000đồng *(Ba mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng)* tiền

án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển nhà và đô thị Minh L không phải chịu tiền án phí phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển nhà và đô thị Minh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.580.000 đồng *(Hai mươi triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001508 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1);
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- THA DS (1);
- Lưu văn phòng (1)
- Lưu HS (1).

Vũ Thị Mai Phương